

PHỤ LỤC

Tiêu chí xét chọn về kim ngạch xuất khẩu tối thiểu năm 2021

(Kèm theo công văn số 2840/BCT-XNK ngày 26 tháng 5 năm 2022)

TT	Tên mặt hàng	Tiêu chí KNXK tối thiểu năm 2021 (USD)
1	Gạo	8,850,000
2	Cà phê	10,400,000
3	Cao su	7,200,000
4	Hạt tiêu	4,300,000
5	Hạt điều	9,150,000
6	Chè các loại	1,050,000
7	Rau, củ, quả và các sản phẩm từ rau, củ, quả	3,600,000
8	Sản phẩm thịt, sữa	1,300,000
9	Thủy sản	13,300,000
10	Sản phẩm gỗ	18,600,000
11	Dệt may	25,500,000
12	Giấy dép	33,800,000
13	Thủ công mỹ nghệ	4,250,000
14	Bánh kẹo và sản phẩm từ ngũ cốc	3,200,000
15	Sản phẩm chất dẻo	6,050,000
16	Giấy và sản phẩm từ giấy	4,400,000
17	Xơ, sợi dệt các loại	5,300,000
18	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	34,750,000
19	Dây điện và cáp điện	13,300,000
20	Vật liệu xây dựng (kim loại, sắt thép,...)	6,950,000
21	Sản phẩm cơ khí	7,500,000
22	Dược và thiết bị y tế	1,400,000
23	Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	4,300,000
24	Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	3,450,000
25	Điện thoại các loại và linh kiện	34,600,000
26	Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	4,700,000
27	Các mặt hàng khác (trừ khoáng sản)	10,000,000